

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



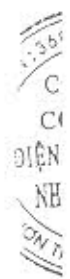
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 06 tháng 8 năm 2014

Số: *113* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến chính sách ghi nhận doanh thu bán điện của Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu bán điện dựa theo sản lượng điện giao nhận thực tế và đơn giá tạm tính theo hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Mua Bán Điện (EPTC), trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản chênh lệch phát sinh sau khi Công ty và EPTC thống nhất giá bán điện chính thức cho từng giai đoạn sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 06 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.030.401.590.573	1.983.307.076.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		87.339.084.583	57.246.674.887
1. Tiền	111	4	87.339.084.583	57.246.674.887
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		270.000.000.000	246.461.181.788
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	270.000.000.000	246.461.181.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.402.894.534.723	1.449.723.105.340
1. Phải thu khách hàng	131		106.608.133	35.652.402
2. Trả trước cho người bán	132	6	180.337.889.424	14.986.171.786
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.246.391.079.502	1.458.642.323.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(23.941.042.336)	(23.941.042.336)
IV. Hàng tồn kho	140		265.542.467.660	221.314.057.916
1. Hàng tồn kho	141	8	265.542.467.660	221.314.057.916
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.625.503.607	8.562.056.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.423.599.610	8.392.414.891
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.683.997	10.641.679
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		191.220.000	159.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.633.673.197.602	10.202.871.800.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		8.650.979.729.921	9.137.428.065.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.623.301.066.900	9.114.093.121.509
- Nguyên giá	222		11.293.667.096.811	11.293.643.448.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.670.366.029.911)	(2.179.550.327.152)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.602.554.546	21.602.554.546
- Nguyên giá	228		21.602.554.546	21.602.554.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	6.076.108.475	1.732.389.250
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		943.910.714.681	1.026.660.982.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	943.910.714.681	1.026.660.982.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.664.074.788.175	12.186.178.877.306

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.780.563.643.466	9.398.503.220.590
I. Nợ ngắn hạn	310		1.982.915.630.920	2.082.537.306.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.120.460.148.242	1.137.995.154.732
2. Phải trả người bán	312		54.228.477.363	27.037.408.723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	19.506.145.718	13.180.462.995
4. Phải trả người lao động	315		13.790.099.638	14.586.349.906
5. Chi phí phải trả	316	17	603.867.554.805	717.130.892.794
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	164.813.363.761	169.146.428.184
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.249.841.393	3.460.608.891
II. Nợ dài hạn	330		6.797.648.012.546	7.315.965.914.365
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	6.793.001.079.353	7.311.318.981.172
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	20	4.646.933.193	4.646.933.193
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.883.511.144.709	2.787.675.656.716
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.883.511.144.709	2.787.675.656.716
1. Vốn cổ phần	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	169.237.381.136
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.850.842.750	20.439.881.905
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		133.422.920.823	37.998.393.675
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.664.074.788.175	12.186.178.877.306

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	329,55	427,81
Euro (EUR)	16,88	39,75



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 06 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu về bán hàng	01		3.141.743.911.006	3.154.383.806.037
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	23	3.141.743.911.006	3.154.383.806.037
3. Giá vốn hàng bán	11		2.691.509.573.450	2.772.839.468.566
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		450.234.337.556	381.544.337.471
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.043.258.163	29.919.215.951
6. Chi phí tài chính	22	26	334.354.444.666	374.751.472.146
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		115.555.229.694	138.804.139.225
7. Chi phí bán hàng	24		170.292.594	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.627.924.269	33.325.460.094
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		99.124.934.190	3.386.621.182
10. Thu nhập khác	31		2.050.485.934	246.631.740
11. Chi phí khác	32		1.384.799.627	81.627.818
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		665.686.307	165.003.922
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		99.790.620.497	3.551.625.104
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		99.790.620.497	3.551.625.104
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	390	14

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 06 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.790.620.497	3.551.625.104
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	490.801.802.757	491.642.202.346
- Các khoản dự phòng	03	-	9.403.351.844
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	45.136.126.770	59.867.702.758
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.303.571.786)	(29.911.188.915)
- Chi phí lãi vay	06	115.555.229.694	138.804.139.225
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	738.980.207.932	673.357.832.362
- Thay đổi các khoản phải thu	09	46.693.582.329	192.971.369.226
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(44.228.409.744)	(25.608.129.477)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(79.627.588.211)	(238.774.112.010)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	86.719.083.100	162.345.798.341
- Tiền lãi vay đã trả	13	(116.986.521.618)	(141.201.578.230)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.152.000.000)	(1.024.236.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	630.398.353.788	622.066.943.430
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.168.549.061)	(2.891.724.420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	710.313.623	-
3. Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn	23	(750.383.916.697)	(1.920.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	726.845.098.485	1.885.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.145.984.133	31.283.685.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.851.069.517)	(6.608.039.101)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.619.754.337	286.467.044.714
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(748.074.701.093)	(872.695.260.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(584.454.946.756)	(586.228.216.188)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	30.092.337.515	29.230.688.141
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	57.246.674.887	51.718.618.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	72.181	857.543
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	87.339.084.583	80.950.164.116

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 14.699.890.659 đồng (6 tháng đầu năm 2013: 16.045.738.976 đồng) là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 544.454.339 đồng (6 tháng đầu năm 2013: 2.221.788.999 đồng) là số tiền lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kê toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 06 tháng 8 năm 2014

